

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Ông Hà Đức Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, phường C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật vào ngày 28 tháng 9 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Đến cuối năm 2020 anh T đi làm ăn xa không về nhà. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 02 con chung là cháu Hà Thị Tuyết L, sinh ngày 13/5/2002 và cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu L đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh Hà Văn T khai: Về quan hệ hôn nhân như chị S trình bày là đúng. Anh và chị S do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2001 tại UBND xã B, huyện C. Sau khi kết hôn anh và chị S chung sống tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T đi làm ăn xa, không có thời gian và điều kiện chăm sóc gia đình, hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị S xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh sinh được 02 con chung là cháu Hà Thị Tuyết L, sinh ngày 13/5/2002 và cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005. Anh có quan điểm đề nghị để chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng, đối với cháu L đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị S trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân; về con chung; về tài sản chung và nợ chung nêu trong Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Hà Văn T trình bày: Anh giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân; về con chung; về tài sản chung và nợ chung nêu trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật

tổ tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hoàng Thị S. Cho chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Hà Văn T.

- Giao cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T đều khẳng định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tổ tụng.

Chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn T; anh Hà Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần áp dụng các điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị S và anh T không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc

trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S, anh Hà Văn T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử cần xử cho chị S được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T có 02 con chung là cháu Hà Thị Tuyết L, sinh ngày 13/5/2002 và cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005. Xét thấy cháu S1 hiện nay đang sống cùng chị S và có nguyện vọng được ở cùng chị S, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn, anh Hà Văn T nhất trí để chị S nuôi dưỡng cháu Sơn. Do vậy, cần giao cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Cháu Hà Thị Tuyết L đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn chị Hoàng Thị S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T cùng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hoàng Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Hà Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thanh S1, sinh ngày 07/11/2005 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Hoàng Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Chị S đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003489 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nay được chuyển thành tiền án phí.

Anh Hà Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị S và anh Hà Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã Bình Phú;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng

Phạm Thị Thùy Trâm

